

ĐẶC ĐIỂM QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 1990-2015

TRẦN NGỌC ÁNH

Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình

Từ khi tái thiết lập tỉnh năm 1989, Quảng Bình bước vào giai đoạn xây dựng và phát triển mới cùng cả nước thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện. Trải qua chặng đường 25 năm (1990-2015) với bao thử thách gian khó, dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng với bản lĩnh chính trị vững vàng, công cuộc xây dựng và đổi mới của tỉnh đã có nhiều khởi sắc, đánh dấu một thời kỳ lịch sử quan trọng của tỉnh trong công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quá trình đổi mới cơ chế quản lý, song hành với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nền kinh tế đã thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình phát triển toàn diện. Nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế duy trì được tính liên tục, tăng cường về quy mô, tiềm lực và chuyển biến cơ cấu kinh tế. Kinh tế tăng trưởng và chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH, phá thế độc canh, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1990-2015 có thể rút ra những đặc điểm sau:

Nguồn lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở Quảng Bình đa dạng, phong phú

Nguồn lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở Quảng Bình được cấu thành từ nguồn lực vật chất và nguồn lực xã hội. Cả hai thành tố nguồn lực này ở Quảng

Bình đều rất phong phú, đa dạng.

Về nguồn lực vật chất, Quảng Bình là vùng đất giao thoa các điều kiện tự nhiên của hai miền Bắc - Nam, lại là địa bàn nằm trong vùng đứt gãy địa chất, tạo nên sự đa dạng, độc đáo về địa hình và phong phú về tài nguyên. Quảng Bình có 4 vùng địa hình đặc trưng là vùng rừng núi (chiếm 65% tổng diện tích đất tự nhiên), vùng gò đồi (chiếm 19,7%), vùng đồng bằng (chiếm 10,95%) và vùng cát ven biển (chiếm 5%). Với địa hình này, trước đây trong cơ chế quan liêu, bao cấp, Nhân dân Quảng Bình chỉ có thể khai thác tài nguyên một cách tự phát để phục vụ cho đời sống mang tính tự cung, tự cấp. Sau khi có đường lối CNH, HĐH, trừ vùng đất nông nghiệp vẫn còn mang tính tự cung, tự cấp của nền sản xuất nhỏ, do ruộng đất manh mún được chuyển đổi thành mô hình nông nghiệp sinh thái phục vụ mục tiêu an ninh lương thực, còn lại cả 3 vùng rừng núi, vùng gò đồi và vùng ven biển đều có thể chuyển đổi từ kinh tế tự cấp sang sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng chuyên canh lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, trang trại chăn nuôi tập trung...

Hình thế địa lý với tuyến bờ biển dài 140km cùng với 5 con sông cắt ngang địa hình và 5 cửa sông tạo thuận lợi để hình thành các khu công nghiệp tập trung. Đặc điểm địa hình và tài nguyên cho phép đảm bảo cho các khu công nghiệp tập trung có nguồn nguyên liệu dồi dào, có hướng phát triển cả chiều sâu và có khả năng phát triển kinh tế hướng biển. Đây là

cơ sở quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, hóa chất, công nghiệp sản xuất các chế phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, gia công và lắp ráp...

Cùng với nguồn lực tự nhiên thì nguồn lực vật chất do Nhân dân Quảng Bình xây dựng qua từng giai đoạn lịch sử đã tạo ra được nền tảng hạ tầng để từng bước nâng cấp, cải tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH. Sau khi tái lập, tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng, quy hoạch mạng lưới hạ tầng cho nền kinh tế. Đặc biệt, là bắt đầu từ năm 2000, dựa trên các định hướng chiến lược của Trung ương và của tỉnh, ngành giao thông đã xây dựng quy hoạch về phát triển mạng lưới giao thông trong toàn tỉnh và từng huyện, thành phố đến năm 2020, quy hoạch đầu nối các tuyến quốc lộ; tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

Thời kỳ 1990-2015, nhiều dự án quan trọng được triển khai trên địa bàn tỉnh. So với các địa phương khác, Quảng Bình là địa phương có hệ thống đường Hồ Chí Minh (bao gồm nhánh Đông và nhánh Tây) đi qua dài nhất với tổng chiều dài đạt 320km. Nhiều dự án lớn được triển khai thực hiện như: Khu neo đậu tàu Hòn La; cảng Hòn La; các dự án mở rộng quốc lộ 1, cải tạo nâng cấp đường tỉnh 565; các dự án cầu Nhật Lệ, Nhật Lệ 2, Kiến Giang, Quảng Hải, Văn Hóa; sân bay Đồng Hới... Với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, trong 25 năm (1990-2015) toàn tỉnh đã xây dựng được mạng lưới giao thông nông thôn phát triển rộng khắp. Giao thông giữa tỉnh với bên ngoài và tới các trung tâm huyện lỵ tương đối thuận lợi, góp phần vào phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Sau 25 năm cơ sở hạ tầng đã được nâng cấp mạnh mẽ với một diện mạo mới. *Trong lĩnh vực nông nghiệp*, hệ thống công trình thủy lợi từ hồ đập đến mạng lưới kênh mương được đầu

tư nâng cấp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất. Nhiều công trình lớn được hoàn thành phát huy hiệu quả như: Hồ chứa nước Song Thai, Thác Chuối, Rào Đá;... Nhờ đó diện tích tưới tiêu ngày càng tăng, tỷ lệ tưới tiêu chủ động từ 65% năm 1990 lên trên 90% năm 2015; *Trên lĩnh vực công nghiệp*, tỉnh đã quan tâm đầu tư hình thành các khu kinh tế, khu công nghiệp như: Tây Bắc Đồng Hới, Bắc Đồng Hới, Hòn La, Tây Bắc Quán Hàu và Cam Liên đã thu hút nhiều nhà máy có công nghệ mới, thiết bị hiện đại, khai thác tốt thế mạnh sẵn có của địa phương để phát triển sản xuất công nghiệp; *Trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ*, cơ sở vật chất hạ tầng được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng hiện đại, văn minh và tiện ích phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của nhân dân và du khách. Đến nay, toàn tỉnh có 01 trung tâm thương mại, 07 siêu thị và 152 chợ (trong đó, có 05 chợ hạng I, 20 chợ hạng II và 127 chợ hạng III)... Công tác quy hoạch và đầu tư phát triển du lịch được quan tâm triển khai đồng bộ.

Xác định, ngoài yếu tố chính sách quản lý, đầu tư nguồn lực phát triển cũng là một trong những yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế - xã hội, tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thời kỳ 1990-2015, tỉnh đã có nhiều chính sách và giải pháp khơi dậy nguồn nội lực, huy động nguồn ngoại lực đầu tư cho nền kinh tế từ nhiều nguồn vốn: Vốn nhà nước (vốn ngân sách, vốn tín dụng, vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước), vốn Nhân dân và vốn viện trợ.

Trong nhóm các nguồn lực xã hội thì nguồn lực con người được quan tâm phát triển tương thích với lộ trình CNH, HĐH các thành phần và loại hình kinh tế trên địa bàn. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 521.208 nhân lực lao động trong các thành phần kinh tế, trong đó có 25.000 người có trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học và đông đảo công nhân kỹ thuật qua đào tạo.

Như vậy, có thể nói Quảng Bình có đủ các nguồn lực cơ bản để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH. Tuy nhiên, quá trình phát triển nguồn lực cho CNH, HĐH nền kinh tế ở Quảng Bình bộc lộ hạn chế hết sức cơ bản là nguồn lực đối ứng trong đầu tư phát triển rất yếu, môi trường đầu tư không thông thoáng, không tạo ra sức hấp dẫn cho đầu tư phát triển nên hầu hết nguồn lực vẫn đang ở dạng tiềm năng.

Lộ trình và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, phù hợp với yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH và điều kiện, đặc điểm của địa phương đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững

Trong 25 năm (1990-2015), mặc dù có những giai đoạn phải chịu sự tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính, khủng hoảng kinh tế thế giới, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, nhưng nhờ sự vận dụng đúng đắn đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, Đảng bộ và chính quyền Quảng Bình đã đề ra bước đi, lộ trình phù hợp nên nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

Sau khi tái lập tỉnh, Nhân dân Quảng Bình huy động mọi nguồn lực xây dựng quê hương theo đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước được hiện thực hóa trong các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình qua các kỳ đại hội và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh với 5 kế hoạch 5 năm: 1991-1995, 1996-2000, 2001-2005, 2006-2010, 2011-2015.

Thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995, là thời kỳ tỉnh mới tái lập, nền kinh tế của tỉnh quy mô còn nhỏ bé và trong giai đoạn đầu tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, nhìn chung hiệu quả kinh tế chưa cao nhưng bước đầu có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; đã tạo được tiền đề cơ bản để phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Từ năm 1996, bước vào

thực hiện các mục tiêu của kế hoạch 1996-2000, vốn và cơ sở vật chất tăng cường khá hơn, nền kinh tế đi dần vào thế ổn định và có điều kiện phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tuy năm 1998 bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai hạn hán làm cho nền kinh tế tăng trưởng thấp ở mức 4,9%. Nhưng chung cả thời kỳ 1996-2000 GDP vẫn ở mức cao đạt 8,2%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ. Thời kỳ 2001-2005, kinh tế phát triển ổn định, đạt tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; chất lượng hiệu quả từng bước được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 2001-2005 đạt 8,85%/năm. Thời kỳ 2006-2010, mặc dù trong điều kiện có những khó khăn, thách thức ở cả trong nước và quốc tế, nhưng kinh tế tiếp tục phát triển đạt tốc độ tăng trưởng khá, từng bước tạo lập được các yếu tố đảm bảo cho phát triển nhanh và bền vững. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm 2006-2010 đạt 11%, đây là giai đoạn có mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Thời kỳ 2011-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, GDP bình quân đạt 6,5%, thấp hơn các thời kỳ trước. Nguyên nhân là do giai đoạn này ngành công nghiệp không có các dự án lớn nào đi vào hoạt động và do ảnh hưởng của thiên tai và suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, cơ cấu nền kinh tế, cơ cấu nội bộ từng ngành tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, đặc biệt tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu GDP tăng mạnh, từ 40% năm 2010 tăng lên 50,5% năm 2015.

Trong quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, luôn luôn đảm bảo nguyên tắc xuyên suốt là phát triển bền vững. Tính bền vững của nền kinh tế thể hiện trong lộ trình chuyển dịch cơ cấu lĩnh vực,

cơ cấu thành phần và cơ cấu địa bàn qua từng giai đoạn vận động của lịch sử. Về cơ cấu lĩnh vực, coi trọng và đảm bảo cho sản phẩm lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm nông - lâm - ngư) luôn có nhịp độ tăng trưởng ổn định để nông nghiệp luôn giữ vững vai trò là nền tảng cơ sở của nền kinh tế song hành với tăng dần tỷ trọng công nghiệp. Như vậy, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp qua từng giai đoạn là do kết quả đầu tư gia tăng lĩnh vực kinh tế công nghiệp. Sự gia tăng yếu tố mới trong công nghiệp ở Quảng Bình không ảnh hưởng đến sự gia tăng sản phẩm nông nghiệp nhưng có giá trị điều chỉnh tỷ trọng nền kinh tế theo hướng tăng dần sản phẩm xã hội của công nghiệp và dịch vụ, đồng thời nhiều thành tố trong lĩnh vực nông nghiệp cũng được CNH, HĐH khiến cho lĩnh vực nông nghiệp không chiếm tỷ trọng tuyệt đối như trước nữa nhưng sản phẩm xã hội của lĩnh vực nông nghiệp vẫn tăng, tạo nên sự cân bằng và bền vững của nền kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH đánh dấu sự phát triển có tính chất đột biến, tạo nên sự khởi sắc của Quảng Bình trong giai đoạn lịch sử hiện đại và đương đại

Thứ nhất, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH của tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn 1990-2015 đã tạo ra sự đột biến về mặt xã hội mà đặc biệt là về mặt đời sống của người dân.

Sau một thời gian đổi mới và phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, Quảng Bình đã khắc phục được tình trạng trì trệ, đưa nền kinh tế từng bước thoát khỏi khủng hoảng, phát triển và đi vào thể ổn định, đời sống của các tầng lớp dân cư được nâng lên trên tất cả các mặt về ăn ở, phương tiện sinh hoạt, đời sống văn hóa, tinh thần...

Những năm đầu sau khi tái lập tỉnh, do nền kinh tế thấp kém, đời sống dân cư gặp nhiều

khó khăn, đặc biệt là ở nông thôn, tình trạng làm không đủ ăn, thiếu lương thực, đói giáp hạt..., nhu cầu hưởng thụ văn hóa thiếu thốn. Theo đà tăng trưởng nhanh của kinh tế, đặc biệt là quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn liền với xây dựng nông thôn mới đã tác động trực tiếp đến đời sống của người dân, số người còn phải sống trong hoàn cảnh khó khăn giảm xuống nhanh chóng, số người có cuộc sống khá giả tăng lên. Tỷ lệ hộ đói nghèo trước năm 1990 chiếm 40%, đến năm 2015 không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo còn 5,17%, không còn hiện tượng dân đói, rét đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán, thời kỳ giáp hạt, lũ lụt... bộ mặt nông thôn đã thay đổi đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, từ 0,46 triệu đồng/người đến năm 2015 đạt 28,006 triệu đồng/người. Do có điều kiện về kinh tế, nên hệ thống điện lưới, sóng phát thanh, truyền hình, điện thoại, cơ sở chăm sóc y tế được đầu tư, mở rộng đến tận miền núi, vùng sâu, vùng xa, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và hưởng thụ của nhân dân.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Quảng Bình đã tác động đến sự biến đổi các thành phần xã hội, tạo nên các mối quan hệ xã hội mới, làm thay đổi tính chất vận động của lịch sử hiện đại và đương đại ở địa phương.

Ở khu vực nông thôn, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp đã tạo ra giai tầng xã hội mới là những tiểu chủ, những tế bào kinh tế theo đơn vị hộ gia đình và doanh nghiệp nông nghiệp. Trước đây, sản phẩm nông nghiệp lệ thuộc vào sản xuất của nông dân cá thể, theo đó, nông dân cá thể quyết định sự vận động lịch sử của nông thôn, thì sau mỗi giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, hiệu quả sản xuất của các điền chủ, chủ trang trại nông nghiệp hàng hóa và nông nghiệp sinh thái, doanh nghiệp nông nghiệp quyết định xu hướng phát triển của nông thôn. Chính lực lượng này đóng vai trò quan trọng

trong đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH và xây dựng nông thôn mới, tạo nên chu trình vận động của lịch sử hiện đại và đương đại Quảng Bình.

Ở thành thị, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Từ chỗ chỉ có một đô thị duy nhất là thành phố tỉnh lỵ Đồng Hới thì sau 2 giai đoạn thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, chuỗi đô thị của Quảng Bình mở rộng từ miền biển, đồng bằng như Đồng Hới, Ba Đồn, Kiến Giang, Hoàn Lão đã lan tỏa đến miền núi như Quy Đạt, Đồng Lê, Minh Cầm, Phong Nha, Lệ Ninh. Quá trình đô thị hóa đã làm thay đổi cơ cấu thành phần xã hội của đô thị. Từ chỗ cư dân đô thị trong thời kỳ đầu xây dựng miền Bắc chỉ là công chức, viên chức và gia đình của họ, xen lẫn với một số tiểu thương và những người làm dịch vụ cá thể, sau chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thành phần xã hội đô thị đã thay đổi cơ bản. Từ chỗ đội ngũ công chức, viên chức và gia đình của họ chiếm tỷ phần quan trọng trong thành phần dân cư đô thị sự gia tăng đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở kinh

doanh thương mại, dịch vụ đã hình thành đội ngũ doanh nhân, thương nhân cùng người lao động trong các cơ sở công nghiệp. Đội ngũ này trở thành giai tầng xã hội mới quyết định sự vận động lịch sử của đô thị giai đoạn hiện đại và đương đại. Quá trình đô thị hóa dưới tác động của của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH chịu ảnh hưởng rất lớn của chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của tầng lớp chủ doanh nghiệp, doanh nhân và đội ngũ là dịch vụ đô thị.

Trong các tỉnh miền Trung có cùng vị thế địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm lịch sử thì kết quả sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Quảng Bình đã tạo ra sự khác biệt so với các địa phương khác cả về tốc độ, quy mô và chất lượng của cơ cấu kinh tế. Nhờ vậy, chỉ sau 25 năm tái lập tỉnh, Quảng Bình không những vượt qua được những khó khăn, thử thách do hậu quả chiến tranh và sự kéo dài cơ chế quan liêu, bao cấp mà còn tạo ra được những bước phát triển khá ấn tượng, đưa Quảng Bình trở thành điểm nhấn ấn tượng trong chuỗi các địa phương duyên hải miền Trung ■

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (2004), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, tập III (1975-2000)*.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XI, nhiệm kỳ 1991-1996; Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XII, nhiệm kỳ 1996-2000; Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001-2005; Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010; Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015; Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020*.
3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình (2019), *Quảng Bình 30 năm đổi mới và phát triển (1989-2019)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
4. Cục Thống kê Quảng Bình (1993), *Số liệu thống kê tỉnh Quảng Bình “Qua 3 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội 1990-1992”*.
5. Cục Thống kê Quảng Bình (1996), *Niên giám thống kê 1991-1995 tỉnh Quảng Bình*.
6. Cục Thống kê Quảng Bình (1997), *Niên giám thống kê 1996, 1997, 2000, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2015*.
7. Nguyễn Khắc Thái (2014), *Lịch sử Quảng Bình*, Nxb Chính trị - Hành chính.